

Bản án số: **786/2017/KDTM-PT**
Ngày: 30-8-2017
V/v tranh chấp hợp đồng
góp vốn kinh doanh.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Bùi Ngọc Anh

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thu Chinh

Ông Ngô Văn Dũng

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí M tham gia phiên
tòa:* **Ông Châu Hiệp Phát** - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hồ Thị Kim Oanh

Trong các ngày 25 và ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí M xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2017/TLPT-KDTM ngày 23 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng góp vốn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 430/2017/KDTM-ST ngày 19-5-2017 của Toà án nhân dân quận Phú Nhuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 585/2017/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 479/2017/QĐ-PT ngày 07-8-2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ông Phan Vương Huy M, sinh năm 1974

Địa chỉ: 1/6 Khu phố 3, phường T, Quận T1, Thành phố Hồ Chí M.

Đại diện: Ông Lê Đình A, sinh năm 1990

Địa chỉ: 160/25/17A1 đường B, Phường B1, quận B2, TP.Hồ Chí M

Giấy ủy quyền số 016013 ngày 09-12-2015

Có mặt

Bị đơn:

Công ty TNHH đầu tư bất động sản P

Địa chỉ: 192/2 đường A, Phường A1, quận A2, TP.Hồ Chí M.

Đại diện: Ông Hoàng Hữu N, sinh năm: 1960

Địa chỉ: 220/50A/52C đường X, Phường X1, quận X2, TP.Hồ Chí M

Giấy ủy quyền ngày 17-7-2017

Có mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1- **Bà Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1970

Địa chỉ: 384/18 đường K, Phường K1, Quận K2, TP.Hồ Chí M.

2- Ông Nguyễn Nhân B, sinh năm 1972

Địa chỉ: 3/2 đường H, Phường H1, quận H2, TP.Hồ Chí M.

Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Nhân B lập Hợp đồng ủy quyền ngày 20-7-2017 tại Phòng công chứng số 1 về việc ủy quyền cho ông Hoàng Hữu N, sinh năm 1960, địa chỉ: 220/50A/52C đường X, Phường X1, quận X2, Thành phố Hồ Chí M tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

I) Tóm tắt nội dung vụ án theo bản án sơ thẩm:

1- Nguyên đơn trình bày:

Theo thỏa thuận ngày 21-7-2009, ông Phan Vương Huy M đã chuyển khoản cho Công ty TNHH đầu tư bất động sản P (*gọi tắt là Công ty P*) số tiền 7.600.000.000 đồng theo ủy nhiệm chi số 74 ngày 21-7-2009 của Ngân hàng TMCP Á Châu, với mục đích góp 50% vốn để mua thửa đất số 81 tờ bản đồ số 26, địa chỉ số 3 đường 65 phường T, Quận T1, thành phố Hồ Chí M.

Vì là chỗ quen biết lại đang là cổ đông nên ông M và bà Nguyễn Thị Thanh H (là người đại diện theo pháp luật của Công ty P tại thời điểm đó) không lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng là ngay sau khi hoàn tất chuyển khoản số tiền trên thì Công ty P sẽ tiến hành các thủ tục liên quan đến việc góp vốn mua đất và sau khi chuyển nhượng được thì sẽ chia đều 50/50.

Khi ông M góp đủ số tiền trên thì Công ty P đã tiến hành mua thửa đất và chuyển nhượng lại cho người khác với giá 15.500.000.000 đồng. Theo như thỏa thuận thì công ty phải trả lại cho ông M số tiền tương đương 50% là 7.775.000.000 đồng hoặc là số tiền ông M đã góp là 7.600.000.000 đồng.

Tuy nhiên, từ ngày 21-7-2009 đến ngày ông M nộp đơn khởi kiện, Công ty P không trả cho ông M khoản tiền nào. Ông M yêu cầu Công ty P phải trả lại cho ông M số tiền 7.600.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày chuyển tiền (ngày 21-7-2009) đến ngày xét xử sơ thẩm.

Sau đó, nguyên đơn đã sửa đổi bổ sung đơn kiện, cho rằng tổng số tiền nguyên đơn thực góp vào Công ty P tổng cộng là 8.060.000.000 đồng. Nguyên đơn thừa nhận trước khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện thì bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền là 6.280.800.000 đồng.

Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền góp dư là 1.276.250.000 đồng và tiền lãi phát sinh (tính từ ngày 30-9-2009 đến ngày 10-5-2017 trên số tiền 1.276.250.000 đồng) là 875.826.562 đồng, tiền bán đất bị đơn còn thiếu chưa trả là 420.000.000 đồng và tiền lãi (tính từ ngày 03-01-2012 đến ngày 10-5-2017 trên số tiền 420.000.000 đồng) là 195.300.000 đồng. Tổng cộng là 2.767.412.562 đồng.

2- Bị đơn trình bày:

Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lý do khi ông Phan Vương Huy M rút tên ra khỏi danh sách thành viên Công ty P trong năm 2011 thì mọi vấn đề về tài chính giữa Công ty P và ông Phan Vương Huy M đã được hai bên giải quyết xong.

Công ty P thừa nhận ông Phan Vương Huy M cùng bà Nguyễn Thị Thanh H thỏa thuận miệng về việc mua lô đất thuộc thửa đất số 81 tờ bản đồ số 26, địa chỉ số 3 đường 65 phường T, Quận T1, TP Hồ Chí Minh để kinh doanh. Trong đó ông M góp vào số tiền là 8.060.000.000 đồng, đây là khoản tiền ông M góp vào cùng bà H để mua lô đất nói trên, ngoài ra còn là tiền góp vào để chi phí các khoản cho Công ty P tồn tại vì Công ty P tại thời điểm đó thành lập mục đích mua lô đất này để xây dựng bán hoặc cho thuê. Ngoài ra, sau khi góp vốn thì Công ty P đã triển khai ký kết các hợp đồng với các đơn vị thi công để hoàn thiện cơ sở hạ tầng và khảo sát thiết kế. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả tiền góp dư là không có căn cứ.

Công ty P thừa nhận đã chuyển nhượng lại nhà đất nói trên cho bà Nguyễn Thị Thanh H với số tiền 13.400.000.000 đồng; đồng thời Công ty P thừa nhận đã ký hợp đồng với các đơn vị thi công để khảo sát, thiết kế xây dựng trên lô đất này theo như thỏa thuận giữa bà H và ông M đã thống nhất. Chi phí thực hiện các công việc chỉnh sửa, tu bổ nhà đất là 239.772.250 đồng. Ngoài ra, còn có các chi phí khác mà nguyên đơn đã không đề cập đến, cụ thể các chi phí mà Công ty P đã bỏ ra liên quan đến sự hoạt động, tồn tại của Công ty, chi phí cho các nhà thầu để triển khai việc thực hiện dự án xây nhà cho thuê hoặc bán theo thỏa thuận tại biên bản họp hội đồng thành viên ngày 15-7-2009 với chi phí là 1.195.312.500 đồng.

3- Ông Hoàng Hữu N là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Nhân B là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà H, ông B cũng thống nhất với nội dung mà đại diện Công ty P trình bày.

Bà H xác nhận giữa bà H và ông M có sự thỏa thuận về việc góp vốn để mua lô đất thuộc thửa đất số 81 tờ bản đồ số 26, địa chỉ số 3 đường 65 phường T, Quận T1, TP Hồ Chí Minh (thỏa thuận giữa bà H và ông M chỉ là thỏa thuận miệng chứ không phải lập thành văn bản) để kinh doanh. Bà H, ông M mỗi người góp 50% tiền mua đất. Sau khi thỏa thuận việc mua đất xong thì ông M và bà H cùng thống nhất thành lập Công ty TNHH Bất động sản P, trong đó ông M là Chủ tịch Hội đồng thành viên, bà H là Giám đốc Công ty.

Bà H xác nhận là bà H đã nhận chuyển nhượng lại lô đất này từ Công ty P với giá là 13.400.000.000 đồng.

II) Quyết định của bản án sơ thẩm:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Vương Huy M về việc yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Bất động sản P phải trả cho ông M tiền góp vốn còn nợ bao gồm gốc và lãi là 2.767.412.562 đồng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

III) Kháng cáo

Ngày 31-5-2017, ông Phan Vương Huy M có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cụ thể:

Hội đồng xét xử đã xem xét và nhận định sự việc không đúng với thực tế đã diễn ra, xét xử không công bằng gây ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn.

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án đầy đủ, khách quan theo qui định của pháp luật.

IV) Tại phiên tòa phúc thẩm:

1- Nguyên đơn trình bày:

- Nhận định của hội đồng xét xử về thời điểm thỏa thuận ngày 06-7-2009: Không có việc ông M và bà H cùng lúc thỏa thuận 3 vấn đề thành lập công ty, mua đất và góp tiền mua đất được. Thực tế ông M và chồng bà H là bạn thân, do nhận thấy tiềm năng sinh lợi nhuận của thị trường nhà đất nên mới cùng nhau thành lập công ty bất động sản để kinh doanh. Sau khi thành lập công ty các bên mới tìm thấy lô đất trên và lúc đó các bên mới có thỏa thuận mua đất để đầu tư và bán để kiếm lợi nhuận.

Tòa án nhận định hai bên thỏa thuận mua lô đất trên với giá 13.567.500.000 đồng là không chính xác, không đúng thực tế. Sau khi tìm được lô đất trên, các bên thỏa thuận giá ban đầu là hơn 15 tỷ đồng, do đó ông M mới chuyển ngay 7.600.000.000 đồng. Số tiền 13.567.500.000 đồng là giá tiền ghi trên hợp đồng chuyển nhượng của chủ đất. Tại thời điểm tìm thấy lô đất và thỏa thuận mua, các bên không thể biết chính xác giá trị lô đất, giá trị chuyển nhượng sẽ được các bên đàm phán đến lúc ký hợp đồng. Vì vậy các bên không thể biết được giá mua đất là 13.567.500.000 đồng.

Về chủ thể của thỏa thuận: Tòa nhận định là hai cá nhân thỏa thuận với nhau là không đúng thực tế. Vì theo biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 15-7-2009 ghi rõ "*Hội đồng thành viên đồng ý mua thửa đất số 81 thuộc tờ bản đồ số 26 tại phường T, Quận T1 với diện tích là 546,4m² có nhà trên đất...Hội đồng thành viên ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh H tiến hành các thủ tục mua và triển khai công việc*". Đây là chủ trương của công ty nên không thể xác định đây là thỏa thuận giữa cá nhân ông M và bà H. Theo qui định của Luật doanh nghiệp 2005 thì Công ty đã có quyết định hợp lệ để mua lô đất trên. Do đó, trong trường hợp này ông M với tư cách cá nhân giao dịch với Công ty là

hoàn toàn hợp lý. Ông M đã chuyển tiền vào Công ty tương ứng với số tiền mua đất.

- Về vấn đề rút vốn, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của ông M: Tòa cấp sơ thẩm nhận định ông M đã rút vốn năm 2011 nên mất quyền khởi kiện Công ty đối với số tiền góp dư là không chính xác. Ông M rút vốn ra khỏi Công ty bằng hợp đồng chuyển nhượng vốn góp với thành viên mới, ông M không có thỏa thuận với Công ty về việc rút vốn vì đây là quyền chuyển nhượng của thành viên. Theo qui định Luật doanh nghiệp 2005 việc chuyển nhượng vốn góp trong tình huống của ông M không cần thông qua hội đồng thành viên, chỉ cần có thỏa thuận giữa ông M và thành viên mới về việc chuyển nhượng phần vốn góp, quyền và nghĩa vụ của ông M chấm dứt đối với phần vốn góp đã góp vào Công ty, còn các quyền và nghĩa vụ khác ngoài phần vốn góp không được đề cập trong hợp đồng này. Khi xét xử Tòa cấp sơ thẩm lại không thu thập chứng cứ là hợp đồng chuyển nhượng vốn góp này. Nguyên đơn cũng không thừa nhận số tiền 8.060.000.000 đồng là tiền chuyển vào Công ty để hùn mua đất như Tòa cấp sơ thẩm nhận định.

- Về số tiền góp dư: Bị đơn đã thừa nhận ông M có chuyển vào Công ty số tiền 8.060.000.000 đồng, bị đơn và người liên quan đã thanh toán lại cho nguyên đơn tổng số tiền 6.280.000.000 đồng. Căn cứ vào giá mua đất 13.567.500.000 đồng thì ông M có nghĩa vụ góp 50% tương đương 6.783.750.000 đồng. Vậy số tiền góp dư là 1.276.250.000 đồng.

Tòa án xác định số tiền các bên góp vào nhưng không làm rõ số tiền 1.276.250.000 đồng góp dư đã đi đâu.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

2- Bị đơn trình bày:

Không đồng ý với toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn với những căn cứ sau đây:

Ông Phan Vương Huy M kháng cáo nhưng không đưa ra được bất cứ một chứng cứ mới nào chứng M cho nội dung yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Thanh H và chồng là ông Nguyễn Nhân B đã trả cho ông Phan Vương Huy M tổng cộng số tiền là 6.280.800.000 đồng sau khi ông M và bà H thỏa thuận bán khu nhà đất tại địa chỉ số 3 đường 65 phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí M cho cá nhân bà H. Số tiền này đã được ông M thừa nhận.

Ông Phan Vương Huy M cũng thừa nhận số tiền mà ông và bà H thống nhất góp vốn để mua khu nhà đất nói trên còn dùng để chi phí cho Công ty P hoạt động như chi lương nhân viên, điện, nước và chi cho các hợp đồng dịch vụ

như thiết kế xây dựng, thiết kế nội thất, thiết kế điện nước, khảo sát địa chất... để chuẩn bị triển khai dự án xây dựng để cho thuê hoặc bán.

Ông Huy M và đại diện của ông Huy M tại các bản khai cũng như các biên bản làm việc và trả lời tại phiên tòa sơ thẩm đều khẳng định: việc góp vốn để mua khu nhà đất tại địa chỉ số 3 đường 65 phường T, Q.T1, TP.HCM là do cá nhân bà H và ông Huy M việc mượn pháp nhân Công ty P chỉ để nhằm mục đích kinh doanh được thuận tiện theo quy định.

Công ty P thành lập ngày 06-7-2009 theo Giấy CNĐKKD Công ty TNHH có hai thành viên trở lên số 4102074775, đăng ký lần đầu ngày 06-7-2009. Vốn pháp định, vốn điều lệ là 6 tỉ đồng. Có 02 thành viên gồm: Nguyễn Thị Thanh H, người đại diện theo pháp luật và ông Phan Vương Huy M là Chủ tịch HĐQT.

Biên bản họp hội đồng thành viên ngày 15-7-2009, thực chất là thỏa thuận giữa hai cá nhân bà H và ông Huy M về việc mua thửa đất số 81 thuộc tờ bản đồ số 26, phường T, Q.T1, DT 546,4 m²- có nhà số 3 đường 65 ấp T, Q. T2 của ông bà Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị G.

Biên bản họp hội đồng thành viên ngày 25-01-2011, ông M và bà H thống nhất bán nhà đất này cho bà H với giá 13,4 tỉ. Ủy quyền cho bà Cao Thị Bích Loan kế toán đại diện Công ty P tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng này.

Đầu năm 2011, sau khi thống nhất và hoàn tất thủ tục bán lại thửa đất số 81 thuộc tờ bản đồ số 26, đường T, Q.T1, DT 546,4 m² tại địa chỉ: số 3 đường 65 phường T, Quận T1 cho cá nhân bà Nguyễn Thị Thanh H với giá là 13,4 tỉ đồng, ông Phan Vương Huy M đã làm thủ tục rút tên ra khỏi Công ty P. Kể từ thời điểm này quyền và nghĩa vụ của ông Huy M tại Công ty P đã chấm dứt.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ I vào ngày 19-01-2012 có 02 thành viên là bà Nguyễn Thị Thanh H, người đại diện theo pháp luật và thành viên thứ hai là ông Nguyễn Nhân B.

Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông B làm thủ tục rút tên khỏi Công ty P đầu năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 14-4-2014, các thành viên Công ty P gồm: Lê Ngọc P- đại diện theo pháp luật và Lê Ngọc D.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14-02-2015, có thêm thành viên mới là Nguyễn Bùi Âu L, đại diện theo pháp luật.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 14-5-2016 có ba thành viên là Lê Ngọc P- đại diện theo pháp luật, Huỳnh Tường V và Lê Ngọc D

Sau khi chuyển nhượng nhà đất cho bà H đầu năm 2011, ông M cũng làm thủ tục rút vốn ra khỏi công ty P cho đến tháng 3 năm 2015 (sau gần 05 năm), trước thời điểm khởi kiện thì ông M không có bất cứ ý kiến gì thắc mắc hay tranh chấp về tài chính với Công ty P hoặc cá nhân bà H.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí M không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của cấp tòa sơ thẩm.

V- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí M:

Về tố tụng: Thực hiện đúng những qui định tại của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung kháng cáo: Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ; nghe trình bày và xác nhận của các đương sự tại phiên tòa nhận thấy: Ông Phan Vương Huy M và bà Nguyễn Thị Thanh H đã có thỏa thuận miệng về việc hai người góp tiền mua tài sản kinh doanh, khi bán tài sản này thì số tiền bán được sẽ chia cho hai người theo tỷ lệ 50/50. Ông M xác nhận việc góp vốn kinh doanh là giao dịch cá nhân giữa bà H và ông M, số tiền đã nhận từ bà H và ông B từ hợp đồng chuyển nhượng tài sản cho bà H là 6.280.800.000 đồng nên yêu cầu của ông M đòi Công ty P hoàn trả tiền góp dư là không có cơ sở được chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Huy M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí M về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

I- Đơn kháng cáo của ông Phan Vương Huy M nộp cho Tòa án trong thời hạn qui định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II- Về nội dung kháng cáo của ông Phan Vương Huy M:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều thừa nhận ông Phan Vương Huy M và bà Nguyễn Thị Thanh H thỏa thuận thành lập Công ty TNHH đầu tư bất động sản P, được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí M cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty TNHH có hai thành viên trở lên số 4102074775 ngày 06-7-2009. Các thành viên gồm: Nguyễn Thị Thanh H, người đại diện theo pháp luật và ông Phan Vương Huy M là Chủ tịch hội đồng thành viên. Theo đăng ký kinh doanh thì vốn điều lệ và vốn pháp định là 6.000.000.000 đồng, thực tế ông M và bà H đều không thực hiện góp vốn nên công không cấp giấy chứng nhận phần vốn góp theo qui định tại Điều 39 Luật doanh nghiệp (đã sửa đổi, bổ sung năm 2013).

Các chứng cứ ông Phan Vương Huy M cung cấp chứng M việc chuyển tiền cho Công ty TNHH đầu tư bất động sản P, gồm: Số tiền 7.600.000.000 đồng theo ủy nhiệm chi số 74 ngày 21-7-2009, 460.000.000 đồng theo ủy nhiệm chi số 36 ngày 30-9-2009 thực hiện tại Ngân hàng TMCP Á Châu. Nội dung chuyển tiền chỉ ghi “ C khoản” “CT”. Các đương sự cũng đều xác nhận đây là tiền ông M góp để mua đất kinh doanh theo Biên bản họp hội đồng thành viên ngày 15-7-2009 giữa ông Phan Vương Huy M và bà Nguyễn Thị Thanh H. Công ty P đã thực hiện việc chuyển nhượng tài sản của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G, việc chuyển nhượng được Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí M cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 21-9-2009 tại thửa đất số 81 thuộc tờ bản đồ số 26 tại phường Thảo điền, Quận 2 Thành phố Hồ Chí M, địa chỉ tại: Số 3, đường số 65, ấp T, phường T1, Quận T2.

Biên bản họp hội đồng thành viên ngày 25-11-2011, ông M và bà H thống nhất bán tài sản này với giá 13.400.000 đồng cho bà H. Thực hiện thỏa thuận, Công ty P đã chuyển nhượng tài sản cho bà H theo Hợp đồng mua bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Phòng công chứng số 1 chứng nhận số 003082/HĐ-MBN ngày 28-01-2011. Ông Phan Vương Huy M và bà Nguyễn Thị Thanh H xác nhận có thỏa thuận miệng về việc hai người góp tiền mua tài sản kinh doanh, khi bán tài sản này thì số tiền bán được sẽ chia cho hai người theo tỷ lệ 50/50. Ông M xác nhận việc góp vốn kinh doanh là giao dịch cá nhân giữa bà H và ông M, số tiền đã nhận từ bà H và ông B từ hợp đồng chuyển nhượng tài sản cho bà H là 6.280.800.000 đồng.

Đại diện được ủy quyền của ông M cũng xác định ông Phan Vương Huy M không còn là thành viên của Công ty P vào cuối năm 2011 phù hợp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19-01-2012, Công ty P có 02 thành viên, gồm: Bà Nguyễn Thị Thanh H- đại diện theo pháp luật và ông Nguyễn Nhân B. Đầu năm 2014, bà H và ông B cũng không còn là thành viên của công ty. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 14-4-2014 thể hiện thì các thành viên Công ty P gồm: Lê Ngọc P- đại diện theo pháp luật và Lê Ngọc D. Ông M không cung cấp được chứng cứ chứng M khi ông M không còn là thành viên công ty thì Công ty P vẫn có nghĩa vụ phải trả tiền góp vốn hay đã ủy quyền cho bà H, ông B trả nợ thay đổi với số tiền ông M .

Vì vậy, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Vương Huy M đòi Công ty TNHH đầu tư bất động sản P trả lại tiền góp dư là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015,

1- Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Huy M, giữ nguyên bản án sơ thẩm, cụ thể như sau:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Phan Vương Huy M về việc yêu cầu bị đơn là Công ty TNHH bất động sản P phải trả cho ông M tiền góp vốn còn nợ bao gồm gốc và lãi là 2.767.412.562 đồng (hai tỷ bảy trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm mười hai ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng).

2) Về án phí:

- *Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

Ông Phan Vương Huy M phải chịu án phí sơ thẩm là 87.348.251 đồng (tám mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi tám ngàn hai trăm năm mươi một đồng), nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông M đã nộp là 57.800.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2014/0000326 ngày 01-04-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông M còn phải nộp thêm 29.548.251 đồng (hai mươi chín triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn hai trăm năm mươi một đồng).

- *Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:*

Ông Phan Vương Huy M phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2012/08485 ngày 04-6-2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Phú Nhuận, ông Phan Vương Huy M còn phải nộp 1.700.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay.

Nơi nhận:

- TAND TC
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (Oanh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Anh